

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chi tiết trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư,
chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư
đối với các dự án quy định tại Điều 37 của Luật Thủ đô
(Thực hiện khoản 6 Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ khoản 6 Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH1 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 332/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định chi tiết trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với các dự án quy định tại Điều 37 của Luật Thủ đô; Báo cáo thẩm tra số 131/BC-BKTNS ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo số 373/BC-UBND ngày 26

tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chi tiết trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với các dự án quy định tại Điều 37 của Luật Thủ đô (Thực hiện khoản 6 Điều 37 Luật Thủ đô).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chi tiết trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án trên địa bàn Thành phố sau đây:

a) Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố:

- Dự án đầu tư công, dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư công theo phương thức đối tác công tư;

- Dự án đầu tư công, dự án PPP không sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 102 Luật số 58/2024/QH15;

- Dự án đầu tư công, dự án PPP có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư công theo phương thức đối tác công tư trong trường hợp được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao;

- Dự án đầu tư công, dự án PPP đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và giao Ủy ban nhân dân Thành phố làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án trong trường hợp không làm tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài;

- Dự án PPP theo quy định không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư nhưng cần thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư làm căn cứ thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất lúa theo quy định của pháp luật về đất đai, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao;

c) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Thành phố: Dự án đầu tư công, Dự án PPP quy định tại điểm a khoản này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư theo quy định này.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản 6 Điều 37 Luật số 39/2024/QH15 không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm:

- a) Dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD;
- b) Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật công nghệ cao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với các dự án theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Luật PPP là Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.

2. Đơn vị chủ trì thẩm định là đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Ban quản lý là Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án.

3. Các thành viên Hội đồng thẩm định và cơ quan nhà nước có liên quan trong việc thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án đầu tư công, dự án PPP:

a) Có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình trong thời hạn yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định;

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong trường hợp không có văn bản tham gia ý kiến thẩm

định hoặc gửi văn bản tham gia ý kiến thẩm định quá thời hạn quy định theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

c) Cá nhân, đơn vị tham gia thẩm định chỉ chịu trách nhiệm đối với kết quả thẩm định các nội dung đề nghị điều chỉnh, không chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thẩm định, quyết định trước đó khi thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án.

4. Bản điện tử của hồ sơ nộp kèm theo hồ sơ bản giấy đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư phải đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 5. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công

1. Chuẩn bị thực hiện dự án đầu tư công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

b) Đơn vị chuẩn bị đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư công.

2. Tổ chức thẩm định:

Sở Tài chính thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng và các cơ quan liên quan là thành viên.

Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định việc thuê và lựa chọn tư vấn thẩm tra. Việc thuê tư vấn thẩm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư công, đấu thầu và các quy định có liên quan.

3. Trình, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án:

a) Đơn vị chuẩn bị dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án;

c) Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án.

Điều 6. Thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án

1. Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: Hồ sơ thẩm định thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư công; Văn bản giao của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đối với dự án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này; Văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất dự án đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

2. Đơn vị chuẩn bị dự án chuẩn bị 01 bộ hồ sơ bản giấy kèm theo bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này nộp theo hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc thông qua bưu chính công ích cho Trung tâm phục vụ hành chính công của Thành phố.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

4. Thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kể từ ngày Hội đồng thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- a) Không quá 30 ngày đối với dự án quan trọng quốc gia;
- b) Không quá 20 ngày đối với dự án khác;
- c) Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, thời gian thẩm định tính từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra;
- d) Đối với các dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo cần đẩy nhanh tiến độ, Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định thời gian tổ chức thẩm định cho phù hợp.

5. Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án, gồm:

- a) Sự phù hợp về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- b) Các nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư công.

6. Trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính thông báo kết quả cho đơn vị chuẩn bị dự án theo các trường hợp sau:

- a) Trường hợp đánh giá không đạt hoặc cần giải trình, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài chính gửi thông báo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án để tiếp thu, hoàn chỉnh nội dung hồ sơ;

Trên cơ sở tài liệu hoàn thiện hồ sơ của đơn vị chuẩn bị dự án, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Hội đồng thẩm định tiến hành lấy ý kiến, đánh giá lại (nếu cần thiết) và tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng;

Theo kết quả đánh giá lại của Hội đồng, Sở Tài chính thông báo cho đơn vị chuẩn bị dự án hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại điểm b khoản này;

- b) Trường hợp được đánh giá đạt yêu cầu, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 7. Quyết định chủ trương đầu tư dự án

1. Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư công.

2. Nội dung chủ yếu của quyết định chủ trương đầu tư dự án bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, địa điểm, thời gian thực hiện; cơ chế, giải pháp và chính sách thực hiện (nếu có).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kiểm tra hồ sơ và trình Hội đồng nhân dân Thành phố, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thời gian quyết định chủ trương đầu tư dự án phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 8. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6, 7 Nghị quyết này.

2. Hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư công.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN PPP

Điều 9. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP

1. Dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo Luật PPP:

a) Chuẩn bị thực hiện dự án PPP:

a1) Đơn vị lập dự án PPP:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án PPP. Điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Trường hợp dự án PPP do Nhà đầu tư đề xuất; điều kiện, trình tự chuẩn bị dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

a2) Đơn vị chuẩn bị dự án lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Tổ chức thẩm định:

Sở Tài chính thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng và các cơ quan liên quan là thành viên để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định việc thuê và lựa chọn tư vấn thẩm tra. Việc thuê tư vấn thẩm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu và các quy định có liên quan.

c) Trình, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án:

- Đơn vị chuẩn bị dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định;
- Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án.

2. Dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố theo Luật PPP:

a) Chuẩn bị thực hiện dự án PPP:

- Việc giao đơn vị lập dự án PPP thực hiện theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều này;

- Đơn vị chuẩn bị dự án lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư phương thức đối tác công tư;

b) Tổ chức thẩm định:

Sở Tài chính là đơn vị chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án. Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, đơn vị chủ trì thẩm định quyết định việc thuê và lựa chọn tư vấn thẩm tra. Việc thuê tư vấn thẩm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu và các quy định có liên quan.

3. Đối với dự án quy định tại điểm a5 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này thì việc lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với dự án PPP có công trình phải thi tuyển kiến trúc thì phải tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc khi lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc.

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư phải thuyết minh nội dung về căn cứ pháp lý, sự cần thiết, hình thức thi tuyển và nội dung liên quan khác của việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc, làm cơ sở quyết định chủ trương đầu tư dự án, phê duyệt dự án.

Điều 10. Thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án

1. Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư theo phương thức

đối tác công tư; Văn bản giao của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đối với dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Đơn vị chuẩn bị dự án chuẩn bị 01 bộ hồ sơ bản giấy kèm theo bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này nộp theo hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc thông qua bưu chính công ích cho Trung tâm phục vụ hành chính công của Thành phố.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi văn bản kèm hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến nội dung thẩm định hoặc thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án theo quy định tại điểm b khoản 1, 2 Điều 9 Nghị quyết này.

4. Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

a) Không quá 20 ngày đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định của Luật PPP;

b) Không quá 10 ngày đối với dự án khác;

c) Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, thời gian thẩm định tính từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra;

d) Đối với dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo cần đẩy nhanh tiến độ, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị chủ trì thẩm định quyết định thời gian tổ chức thẩm định cho phù hợp;

5. Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gồm:

a) Sự phù hợp về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án;

b) Các nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

6. Trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định hoặc kết quả lấy ý kiến thẩm định của các đơn vị, Sở Tài chính thông báo kết quả cho đơn vị chuẩn bị dự án theo các trường hợp sau:

a) Trường hợp đánh giá không đạt hoặc cần giải trình, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài chính gửi thông báo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án để tiếp thu, hoàn chỉnh nội dung hồ sơ;

Trên cơ sở tài liệu hoàn thiện hồ sơ của đơn vị chuẩn bị dự án, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị chủ trì thẩm định tiến hành lấy ý kiến, đánh giá lại (nếu cần thiết) và tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng, đơn vị có liên quan;

Theo kết quả đánh giá lại của Hội đồng hoặc kết quả thẩm định lại của các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính thông báo cho đơn vị chuẩn bị dự án hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Trường hợp được đánh giá đạt yêu cầu, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 11. Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP

1. Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, nội dung quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kiểm tra hồ sơ và trình Hội đồng nhân dân Thành phố, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Thời gian quyết định chủ trương đầu tư dự án phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 12. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 9, 10, 11 Nghị quyết này.

2. Hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 13. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án

1. Lập, trình hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án:

a) Cơ quan nhà nước được giao lập hồ sơ là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Nhà đầu tư lập Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;

b) Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước được giao lập hồ sơ hoặc Nhà đầu tư lập thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư; Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phải có nội dung giải trình việc đáp ứng điều kiện thành lập khu công nghệ cao; đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao (trong trường hợp đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư) theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;

c) Đơn vị lập hồ sơ đề xuất chuẩn bị 01 bộ hồ sơ bản giấy kèm theo bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nộp theo hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc thông qua bưu chính công ích cho Trung tâm phục vụ hành chính công của Thành phố.

2. Tổ chức thẩm định:

a) Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội chủ trì tổ chức thẩm định Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, ngành và các đơn vị có liên quan;

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Ban Quản lý;

d) Trong thời hạn 17 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 14 Nghị Quyết này, trình Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý phải thông báo kết quả cho Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, trình hồ sơ;

e) Đối với dự án được cấp có thẩm quyền quyết định, chỉ đạo cần đẩy nhanh tiến độ, đơn vị chủ trì thẩm định quyết định thời gian tổ chức thẩm định cho phù hợp;

3. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 14. Thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

a) Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư;

b) Nội dung về điều kiện thành lập khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

2. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư:

a) Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư;

b) Nội dung về điều kiện thành lập khu công nghệ cao và nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao theo quy định pháp luật về công nghệ cao.

3. Việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến trong quá trình thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo nguyên tắc quy định tại pháp luật về đầu tư. Trường hợp pháp luật về xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản, đất đai, công nghệ cao có quy định về cơ quan được lấy ý kiến thẩm định và nội dung lấy ý kiến thẩm định thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 15. Quyết định chủ trương đầu tư

1. Nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư gồm:

a) Nhà đầu tư thực hiện dự án đối với trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu;

b) Tên dự án; mục tiêu; quy mô; vốn đầu tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có), thời hạn hoạt động của dự án;

c) Địa điểm thực hiện dự án đầu tư;

d) Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện từng giai đoạn (đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn);

đ) Công nghệ áp dụng (nếu có);

e) Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có);

g) Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư (nếu có);

h) Trách nhiệm của nhà đầu tư, cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư;

i) Trách nhiệm của cơ quan được giao tổ chức đấu giá, đấu thầu trong trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá, đấu thầu;

k) Thời điểm có hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước nộp hồ sơ, cơ quan được giao tổ chức đấu giá đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đấu thầu để thực hiện công bố thông tin dự án đầu tư đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu thầu, Ban quản lý, các sở, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.

Điều 16. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Nội dung điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư nếu thuộc trường hợp quy định của pháp luật về đầu tư.

Trường hợp điều chỉnh dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư.

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư phải có nội dung giải trình việc đáp ứng quy định tại Điều 6 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP quy định về Khu công nghệ cao trong trường hợp đề xuất mở rộng dự án.

4. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 13, 14, 15 Nghị quyết này.

Chương V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 17. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án đầu tư công

1. Hồ sơ thẩm định dự án:

a) Đối với dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư công;

b) Đối với dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về xây dựng.

2. Chủ đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ bản giấy kèm theo bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này nộp theo hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc thông qua bưu chính công ích cho Trung tâm phục vụ hành chính công của Thành phố.

3. Tổ chức thẩm định:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia theo quy định của pháp luật đầu tư công: Cơ quan chuyên môn về xây dựng Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi. Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định là Chủ tịch Hội đồng và các cơ quan liên quan là thành viên;

b) Đối với dự án khác: Cơ quan chuyên môn về xây dựng Thành phố là đơn vị chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

c) Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị chủ trì thẩm định quyết định việc thuê và lựa chọn tư vấn thẩm tra. Việc thuê tư vấn thẩm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư công, đấu thầu và các quy định có liên quan.

4. Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

a) Không quá 30 ngày đối với dự án quan trọng quốc gia;

b) Không quá 25 ngày đối với dự án nhóm A có cấu phần xây dựng;

- c) Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng;
- d) Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, thời gian thẩm định tính từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra.

đ) Đối với các dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo cần đẩy nhanh tiến độ, Chủ tịch Hội đồng thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định quyết định thời gian tổ chức thẩm định cho phù hợp.

5. Nội dung thẩm định, Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư, nội dung quyết định đầu tư dự án:

- a) Đối với dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư công;
- b) Đối với dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về xây dựng.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định đầu tư dự án trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 18. Điều chỉnh dự án đầu tư công

- 1. Chủ đầu tư dự án thực hiện trách nhiệm khi điều chỉnh dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.
- 2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Nghị quyết này.
- 3. Hồ sơ điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư công.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN PPP

Điều 19. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án

- 1. Hồ sơ thẩm định dự án:

Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tương ứng pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tương ứng pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Đơn vị chuẩn bị dự án PPP chuẩn bị 01 bộ hồ sơ bản giấy kèm theo bản điện tử của hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này nộp theo hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc thông qua bưu chính công ích cho Trung tâm phục vụ hành chính công của Thành phố.

3. Tổ chức thẩm định: Cơ quan chuyên môn về xây dựng Thành phố chủ trì tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng.

4. Thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng kể từ ngày đơn vị chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

a) Không quá 20 ngày đối với dự án quan trọng quốc gia theo pháp luật đầu tư công;

b) Không quá 10 ngày đối với dự án khác;

c) Đối với dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo cần đẩy nhanh tiến độ, đơn vị chủ trì thẩm định quyết định thời gian tổ chức thẩm định cho phù hợp.

5. Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; Hồ sơ đề nghị quyết định đầu tư dự án; Nội dung quyết định đầu tư dự án theo quy định tương ứng của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

6. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án:

a) Đối với dự án PPP đáp ứng tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia theo pháp luật đầu tư công: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Đối với dự án khác: Giám đốc Cơ quan chuyên môn về xây dựng Thành phố.

7. Thời gian quyết định đầu tư dự án không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 20. Điều chỉnh dự án PPP

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị quyết này.

2. Hồ sơ điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2025.

Điều 23. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án quy định tại Điều 1 Nghị quyết này đã được quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Nghị quyết này

có hiệu lực, việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Dự án quy định tại Điều 1 Nghị quyết này đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định, đã trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật về đầu tư, công nghệ cao và pháp luật khác có liên quan.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2025. / *sm*

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài Chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- Các vị đại biểu HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND, VP UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường thuộc Thành phố;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND Thành phố;
- Trung tâm TT, DL và CNS TP Hà Nội;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn